



**Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh**  
[www.nhuabaobivinh.com](http://www.nhuabaobivinh.com)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

## MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

### A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin chung  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Giới thiệu Ban Lãnh đạo  
Vị thế  
Định hướng phát triển  
Rủi ro

### B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

### C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019  
Đánh giá tình hình tài chính  
Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong năm 2020

### D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty  
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban giám đốc  
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị  
Ban Kiểm soát  
Giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát  
Tăng cường quản trị công ty  
Quản trị rủi ro

### F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững  
Đánh giá của Ban Giám đốc  
Các chỉ tiêu phát triển bền vững

### G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## DANH MỤC VIẾT TẮT

<b>BKS</b>	Ban Kiểm soát
<b>BGD</b>	Ban Giám đốc
<b>BCTC</b>	Báo cáo tài chính
<b>Công ty</b>	Công ty cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>CTCP</b>	Công ty cổ phần
<b>DT</b>	Doanh thu
<b>DTT</b>	Doanh thu thuần
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội đồng cổ đông
<b>EPS</b>	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>HĐQT</b>	Hội đồng quản trị
<b>LN</b>	Lợi nhuận
<b>LNST</b>	Lợi nhuận sau thuế
<b>HTKT</b>	Hợp tác Kinh tế
<b>MTV</b>	Một thành viên
<b>NVL</b>	Nguyên vật liệu
<b>PE</b>	Nhựa Polyetylen
<b>PP</b>	Polypropylen
<b>ROA</b>	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
<b>ROE</b>	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
<b>SXKD</b>	Sản xuất kinh doanh
<b>TCTK</b>	Tổng cục Thống kê
<b>TNDN</b>	Thu nhập doanh nghiệp
<b>TNHH</b>	Trách nhiệm hữu hạn
<b>VBC</b>	Công ty cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
<b>VCSH</b>	Vốn chủ sở hữu

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư, các đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh,**

Thay mặt Ban lãnh đạo tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành sự ủng hộ cho công ty trong suốt thời gian qua. Mặc dù đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tình hình khu vực và quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi, năm 2019 là một năm đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, là năm thứ 2 liên tiếp ước đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá. GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017.

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh cũng không nằm ngoài sự tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế khi doanh thu thuần năm 2019 đạt gần 990 tỷ đồng tăng 12.47 % so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 28.48 tỷ đồng tăng 6.35% so với kế hoạch. Năm 2019 là một năm có thể nói là khá thuận lợi đối với ngành sản xuất bao bì xi măng khi mà sản lượng xi măng 2019 tương đương năm 2018 với khoảng 31 - 32 triệu tấn, Việt Nam tiếp tục là quốc gia xuất khẩu xi măng nhiều nhất trên thế giới. Tuy nhiên giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn biến động rất bấp bênh. Trong tình hình đó, toàn thể ban lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên công nhân của công ty chúng tôi đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để vượt qua những khó khăn, thách thức nắm bắt được những thuận lợi của thị trường để gia tăng sản lượng. Tầm nhìn của công ty chúng tôi trong thời gian tới đó là phấn đấu trở thành đơn vị mạnh về sản xuất bao bì. Để làm được điều này, chúng tôi phải luôn cố gắng nỗ lực không ngừng trong từng yếu tố như: con người, máy móc

thiết bị. Giá trị cốt lõi của công ty chúng tôi xác định ngay từ khi thành lập đó là luôn lấy con người làm trung tâm trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất. Người lao động quyết định chất lượng, người lao động cũng chính là nhân tố quyết định khách hàng. Do đó công ty không ngừng có các chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề.

Sang năm 2020 với những dự báo khả quan của ngành nhựa, bao bì, theo dự báo của cơ quan năng lượng Hoa Kỳ EIA và Ngân hàng Thế giới WB trong năm 2020 giá dầu thô Brent sẽ ở mức trung bình 67.4 USD/thùng giảm nhẹ 0.38% so với năm 2019. Giá các loại nguyên liệu nhựa PE, PP được kỳ vọng sẽ ở mức lần lượt 1,039 USD/tấn, 1,035 USD/tấn trung bình năm 2020, giảm nhẹ so với năm 2019. Mặt khác năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước kỳ vọng được cải thiện nhờ việc dự kiến đi vào hoạt động trong cuối năm 2020 của dự án hóa dầu Long Sơn và dự án hóa dầu HyoSung.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hi vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá từ quý vị.

***Xin chân thành cảm ơn!***

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**Phan Trí Nghĩa**



## TẦM NHÌN

Phấn đấu trở thành đơn vị mạnh mẽ về lĩnh vực sản xuất, cung cấp bao bì Nhựa và lọt vào top những doanh nghiệp sản xuất bao bì Nhựa lớn nhất Việt Nam.



## SỨ MỆNH

Mang đến những sản phẩm bao bì ngày càng chất lượng, góp phần phục vụ cuộc sống của người dân và sự phát triển bền vững, phát triển lâu dài ổn định gắn kết với mục tiêu xã hội của khu vực, quốc gia



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### Chất lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của VBC.

### Đầu tư máy móc, thiết bị

Luôn đổi mới, nâng cấp máy móc thiết bị để gia tăng sản lượng, đồng thời tiết kiệm thời gian, chi phí nhân công trong quá trình sản xuất

### Con người VBC

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển của doanh nghiệp, do đó VBC luôn nỗ lực cải thiện môi trường làm việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mỗi con người VBC được phát huy khả năng của mình



## PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

Lấy khách hàng làm trung tâm, VBC không ngừng phát triển, đổi mới hoạt động SXKD để đem đến cho khách những sản phẩm ưu việt hơn. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đặt ra mục tiêu khai thác tối đa các nguồn lực, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Đồng thời, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững



# A.

## THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- Thông tin chung
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Giới thiệu Ban lãnh đạo
- Vị thế
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

## 1. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

**TÊN CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ VINH

**MÃ CỔ PHIẾU**

VBC

**TÊN TIẾNG ANH**

VINH PLASTIC BAGS JOINT STOCK COMPANY

**ĐIỆN THOẠI**

0238 385 5524

**LOGO****FAX**

0238 385 6007

**GIẤY CNDKDN**

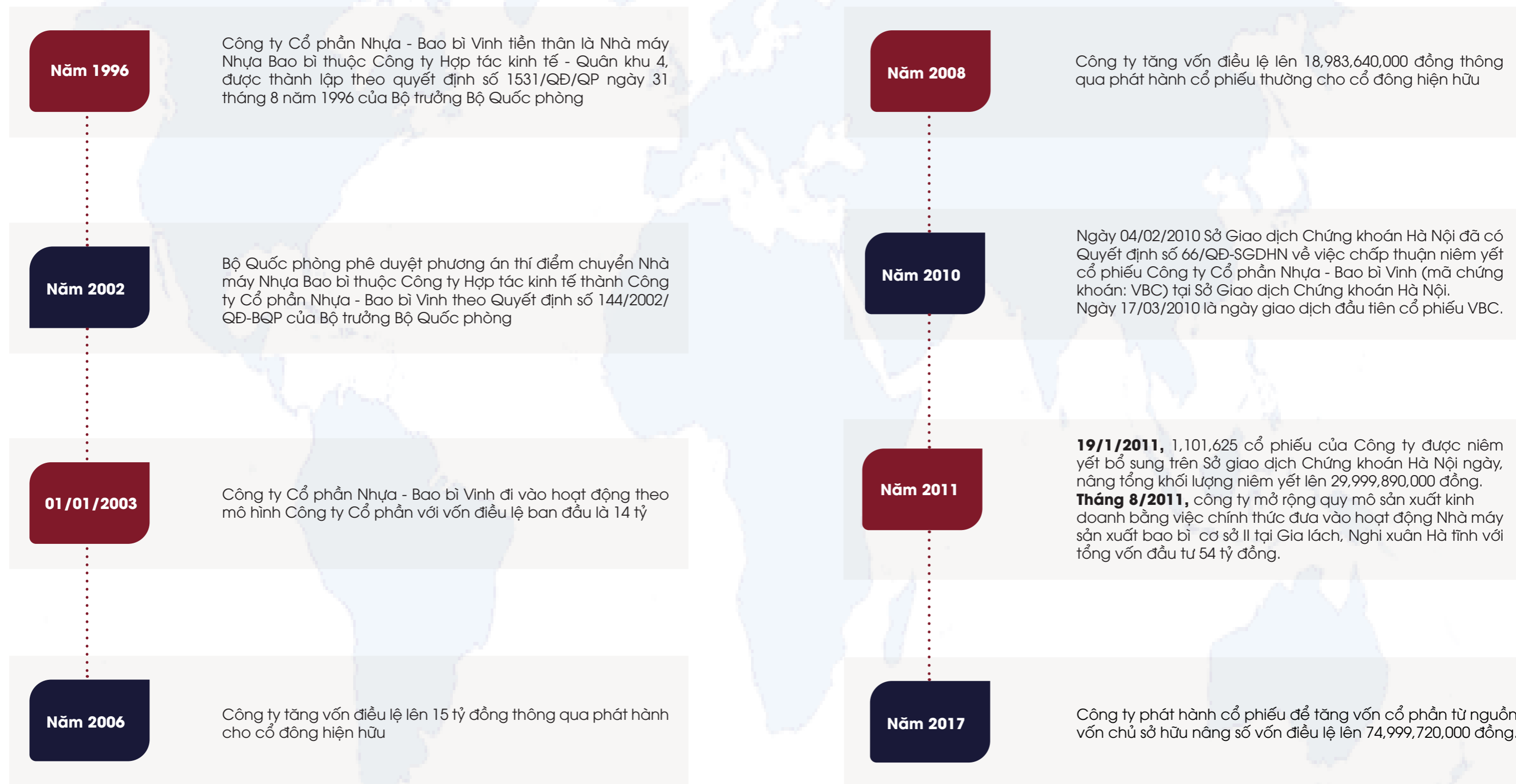
2703000092 (Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp bổ sung lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2017)

**WEBSITE**[www.nhuabaobivinh.com](http://www.nhuabaobivinh.com)**ĐỊA CHỈ**SỐ 18, ĐƯỜNG PHONG ĐỊNH CẢNG,  
PHƯỜNG BẾN THỦY, THÀNH PHỐ VINH,  
tỉnh Nghệ An.**VỐN ĐIỀU LỆ**

74,999,720,000 VND

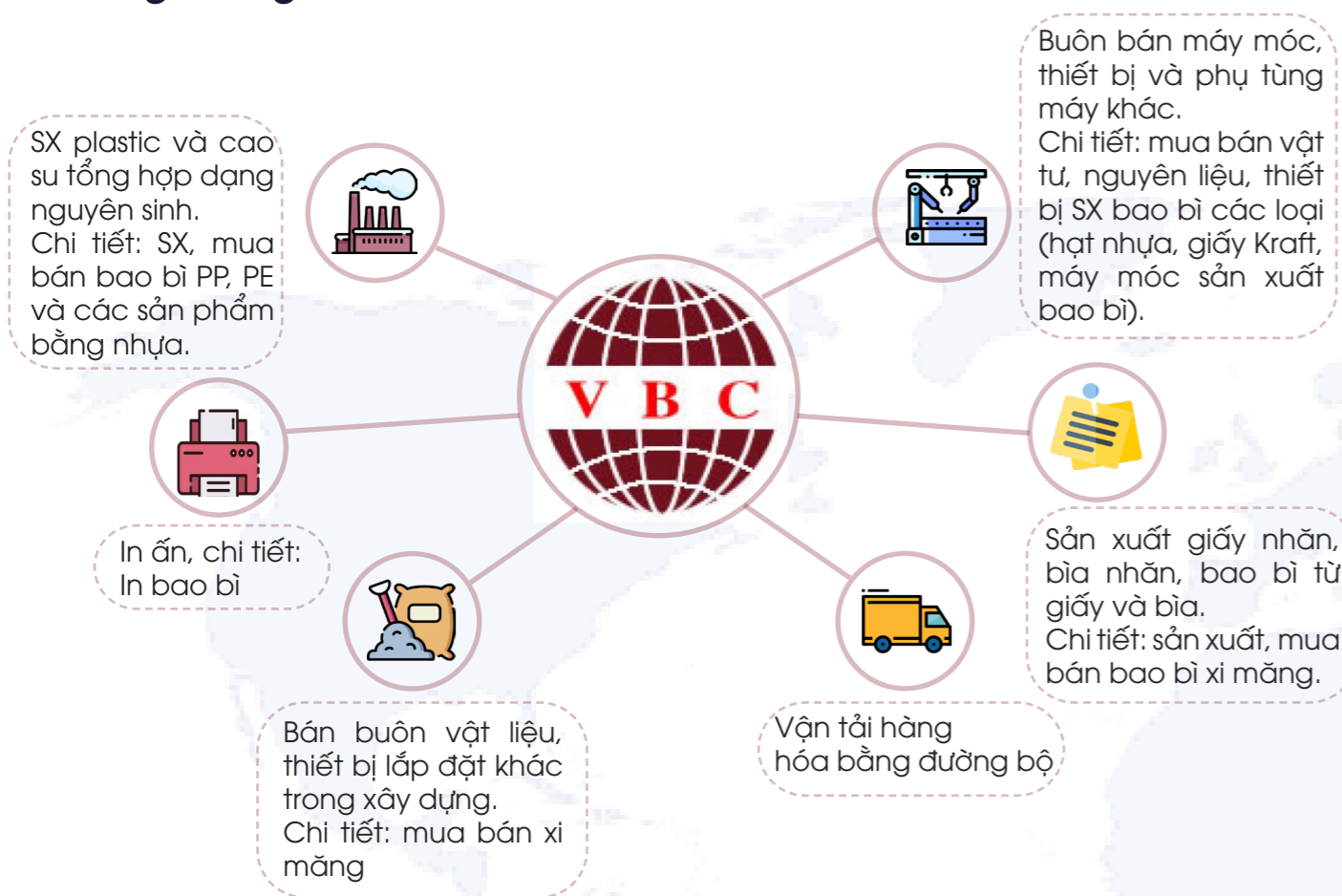
# 1. Thông tin chung

## 1.2. Lịch sử phát triển

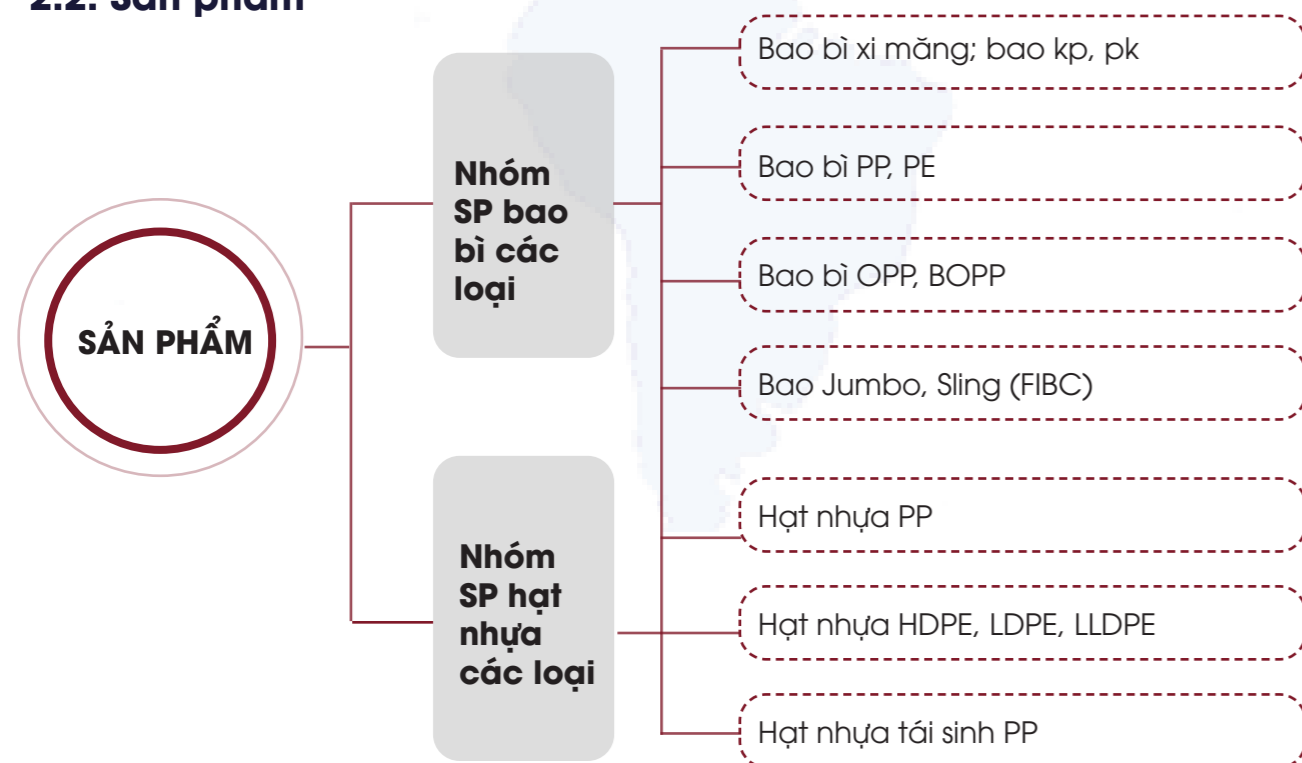


## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh



### 2.2. Sản phẩm



### 2.3. Quy trình sản xuất



### 2.4. Kiểm soát chất lượng

Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008 được tổ chức chứng nhận Quacert cấp chứng nhận từ năm 2002. Do áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Với ưu thế của hệ thống máy móc mới được đầu tư, thuộc thế hệ tiên tiến và có suất đầu tư thấp, Công ty không những đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng về chất lượng, số lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm được tối đa chi phí sản xuất trực tiếp và gián tiếp, đem lại kết quả kinh doanh cao trong nhiều năm qua.

Trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn luôn lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ đặt lên hàng đầu. Với phương châm: "Chất lượng ngày càng cao, giá thành ngày càng hợp lý, dịch vụ ngày càng hoàn hảo", các sản phẩm của Công ty

luôn luôn có được chất lượng cao và ổn định với giá bán hợp lý, nhanh chóng giành được niềm tin của khách hàng, đã và đang có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và chiếm lĩnh thị phần trong nước.

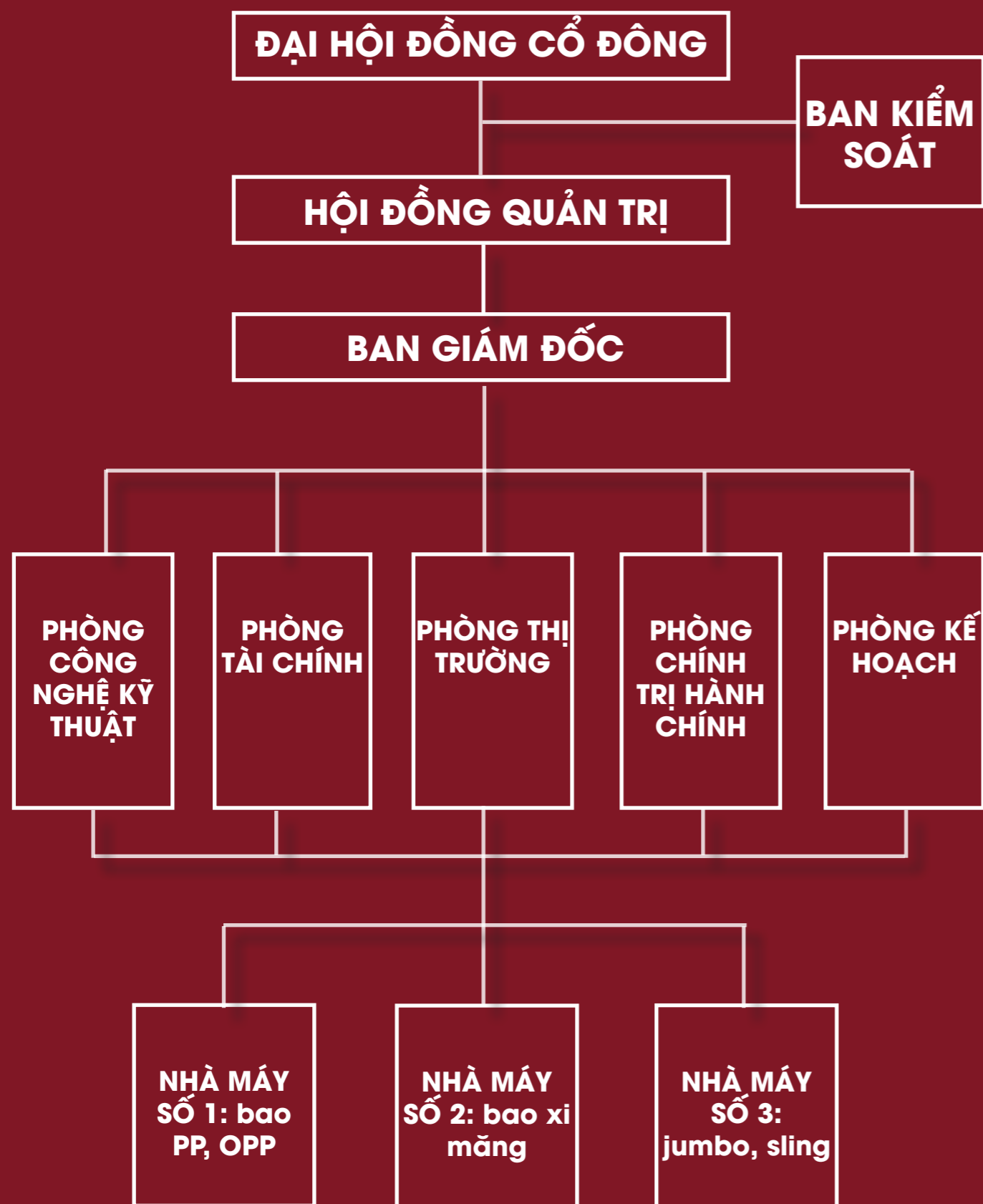
### 2.5. Địa bàn hoạt động

**Thị trường trong nước:** Công ty cung cấp vỏ bao KP, PK, bao Jumbo, Sling lớn cho các nhà máy SX xi măng như: The Vissan, Xi măng Nghi Sơn, Xi măng sông Gianh, Xi măng Bút Sơn, Xi măng Thành Thắng, xi măng Hoàng Mai với sản lượng 90 - 100 triệu vỏ bao xi măng/năm và 2.4 triệu bao jumbo; sling/năm. Công ty hiện cũng đang cung cấp các sản phẩm bao PP, OPP cho các nhà máy SX phân bón, SX đường và phục vụ cho ngành nông nghiệp như: Đạm Ninh Bình, Phân bón Lâm Thao, Phân bón Bình Điền, nhà máy đường Thạch Thành, đường quỳ hợp, nhà máy bột sắn Thanh Chương

**Thị trường nước ngoài:** Sản phẩm bao Jumbo; sling, bao PP, OPP hiện đã có mặt tại thị trường các nước: New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Fiji, Nam Phi....



### 3. Mô hình quản trị Công ty



#### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả cá cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm, phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty; tổ chức lại và giải thể công ty.

#### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty; HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước trong Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.  
- Phó Giám đốc được Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc à liên đới trách nhiệm với Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm

#### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do HĐQT lựa chọn. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

#### Phòng kỹ thuật

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc về công tác kỹ thuật thiết bị, kỹ thuật điện, công tác xây dựng cơ bản trong toàn Công ty. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa thiết bị định kỳ và đột xuất trong toàn Công ty.

#### Phòng thị trường

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác thị trường, xây dựng chiến lược thị trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch thị trường dài hạn, ngắn hạn, khai thác m kiểm, mở rộng thị trường, thực hiện công tác dịch vụ sau bán hàng.

#### Phòng Chính trị HC

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

#### Phòng tài chính

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, thống kê, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty. Quản lý chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và công tác kiểm kê trong toàn Công ty, nghiên cứu thị trường vốn, lập kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu cho Giám đốc các phương án huy động đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

#### Phòng kế hoạch

Có nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch, và đầu tư, công tác quản lý, đảm bảo công nghệ kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và đổi mới, cải tiến ứng dụng công nghệ mới. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, quý, tháng, đột xuất và các dự án đầu tư phát triển của Công ty, là trung tâm điều hành và phối hợp giữa các phòng ban phân xưởng thực hiện kế hoạch sản xuất của Công ty. Đảm bảo cung ứng vật tư NVL, tổng hợp phân tích đánh giá, báo cáo kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm.

## 4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo

### 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Phan Trí Nghĩa

Năm sinh:	18/6/1974
Nơi sinh:	Đức Thọ - Hà Tĩnh
Số CMND:	186540254
Trình độ học vấn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
1997 - 1998	Nhân viên thị trường Sở xây dựng Hà Tĩnh;
1998 - 2004	Trưởng ban định mức tiền lương Công ty HKT - QK4; UV HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh;
2004 - 2008	Phó phòng tổ chức LĐTL Công ty HKT - QK4; Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách);
2008 - 2015	Tổng giám đốc, UV HĐQT CTCP CN cao su COECCO; Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh (không chuyên trách);
2016	Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh; UV HĐQT CTCP CN Cao su COECCO; Quân số thuộc Phòng chính trị Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4;
2016 - 2017	P. Giám đốc Công ty, Kiểm soát nhà máy số 2 Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh

### 2. Phó Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Giám đốc công ty - Ông Lê Xuân Thọ

Năm sinh:	20/2/1978
Nơi sinh:	Đức Thọ - Hà Tĩnh
Số CMND:	187667079
Trình độ học vấn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2002 - 2004	Trợ lý thị trường CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2005 - 2007	Trưởng ban thị trường CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2007 - 2013	Trưởng Phòng thị trường CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2013 - 2017	P. Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2017 - 2018	Giám đốc CTCP Nhựa Bao Bì Vinh
2018 - nay	Thành viên HĐQT

### 3. Thành viên HĐQT - Bà Phạm Minh Nguyệt

Năm sinh:	7/3/1980
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	012097123
Trình độ học vấn:	Thạc sỹ Kế toán
Quá trình công tác:	
2003 - 2007	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 - nay	Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh

### 4. Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Ông Phan Văn Toàn

Năm sinh:	30/1/1978
Nơi sinh:	Đồng Hới - Quảng Bình
Số CMND:	194227883
Trình độ học vấn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
2002 - 2003	Kế toán tổng hợp CT Xây lắp Tổng Công ty HKT
2003 - 2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV khoáng sản COECCO - Tổng Công ty HKT
2017 - 2018	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Bao bì Vinh
2018 - nay	Thành viên HĐQT

### 5. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Hữu Long

Năm sinh:	6/3/1976
Nơi sinh:	Thanh Chương - Nghệ An
Số CMND:	011759059
Trình độ học vấn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
1996 - 1998	Cán bộ kinh doanh Công ty phát triển tin học Hà Nội
1998 - 2002	Trưởng nhóm kinh doanh Công ty máy tính CMC
2002 - 2007	Tổng giám đốc Công ty máy tính Gia Long Digital
2017 - nay	Tổng giám đốc CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành
	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái.
	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa, bao bì Vinh

## 4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo

### 6. Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Trần Ngọc Sâm

Năm sinh:	20/6/1969
Nơi sinh:	Thọ Xuân - Thanh Hóa
Số CMND:	187698703
Trình độ học vấn:	Đại học Tài chính
Quá trình công tác:	
1997 - 2006	Kế toán trưởng CTCP Nhựa - Bao bì Vinh
2007 - 2009	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây dựng COECCO Lào
2010 - 2011	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Viên Chăn
2012 - 2013	Trợ lý PTC Phòng tài chính Tổng Công ty Hợp tác kinh tế QK 4
2014 - 2016	Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp Cao su COECCO
2017 - nay	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách CTCP Nhựa Bao bì Vinh

### 7. Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Đinh Xuân Cường

Năm sinh:	30/8/1976
Nơi sinh:	Hoa Lư - Ninh Bình
Số CMND:	011976518
Trình độ học vấn:	Tiến sĩ
Quá trình công tác:	
2003 - 2006	Trader of Calyon Corporate & Investment Bank, Paris
2007 - 2010	Phó Tổng giám đốc INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng giám đốc tập đoàn Ocean
2017 - nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An phát Holdings Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát

### 8. Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Năm sinh:	3/4/1980
Nơi sinh:	Hương Khê - Hà Tĩnh
Số CMND:	183161862
Trình độ học vấn:	N/A
Quá trình công tác:	
Trợ lý kế toán tổng hợp - Tổng công ty Hợp tác kinh tế	
Trưởng BKS - công ty CP gạch ngói 30/4 (Công ty con của Tổng hợp tác kinh tế)	

### 9. Phó Giám đốc - Ông Cao Xuân Vinh

Năm sinh:	17/6/1969
Nơi sinh:	N/A
Số CMND:	N/A
Trình độ học vấn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
9/2002 - 6/2005	Phó Chủ tịch công đoàn cơ sở Công ty Hợp tác Kinh tế
6/2005 - 10/4/2018	Phó Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh
10/4/2018	Phó Giám đốc CTCP Nhựa Bao bì Vinh



## 5. Vị thế

### ĐIỂM MẠNH

**Quy mô sản xuất** gồm 03 nhà xưởng: Tổng diện tích nhà xưởng của Công ty hiện đang sử dụng là 4,7 ha tại hai địa điểm: Nhà máy 1: Tại số 18 Đường Phong Đình Cảng - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An; Nhà máy số 2,3 tại Khu Công nghiệp Gia Lách - Thị trấn Xuân An - Huyện Nghi Xuân - Tỉnh Hà Tĩnh  
Sản lượng sản xuất đạt trên 100 triệu bao, cụ thể: năm 2017, sản lượng sản xuất đạt trên 110 triệu bao, giá trị sản xuất đạt trên 750 tỷ đồng; năm 2018, sản lượng sản xuất đạt hơn 124 triệu bao, giá trị sản xuất đạt 932 tỷ đồng.

**Thị trường khách hàng:** Dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung do Các doanh nghiệp ngành nhựa bao bì chủ yếu tập trung tại miền Nam do miền Nam là nơi tập trung của các khu công nghiệp chế biến, đầu ra chủ yếu của ngành nhựa bao bì. Do đó, thị trường sản xuất bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

#### **Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm:**

Đối với cán bộ quản lý: Nguồn nhân lực quản lý được đào tạo bài bản, trình độ Đại học trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm công tác  
Đối với công nhân sản xuất trực tiếp: trên 80% công nhân đã qua đào tạo và có tay nghề bậc thợ từ bậc 3 trở lên. Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt, may...

**Chất lượng sản phẩm:** Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2008 được tổ chức chứng nhận Quacert cấp chứng nhận từ năm 2002. Do áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, công tác quản lý chất lượng sản phẩm được thực hiện chặt chẽ ở tất cả các công đoạn sản xuất từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

### ĐIỂM YẾU

#### **Nguồn nguyên vật liệu đầu vào phần lớn là nhập khẩu:**

Nguyên vật liệu đầu vào của ngành nhựa bao bì là nhựa nguyên sinh, tuy nhiên năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của ngành nhựa Việt Nam không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, gần 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại nguyên liệu ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

#### **Dây chuyền, máy móc:**

Hiện nay VBC chưa thể sản xuất được dây chuyền, máy móc cũng như khuôn mẫu phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm nhựa bao bì, điều này làm giảm sự đa dạng của sản phẩm nhựa bao bì đầu ra

### THỜI CƠ

1. Chi phí nhân công của Việt Nam tương đối rẻ với mức lương trung bình năm ở mức 147 USD/tháng thấp hơn khoảng 22% so với mức trung bình khu vực Đông Nam Á. Chi phí nhân công chiếm khoảng 9% trong cơ cấu chi phí sản xuất trung bình của ngành do đó chi phí nhân công rẻ là lợi thế đối với ngành nhựa Việt Nam nói chung và với hoạt động xuất khẩu sản phẩm của VBC nói riêng
2. Nhu cầu sử dụng sản phẩm nhựa bao bì ngày càng tăng: Đối với sản phẩm bao bì xi măng của VBC, nhu cầu cũng ngày một lớn. Theo Bộ Xây dựng dự báo trong năm 2020, ước tính nhu cầu tiêu thụ xi măng toàn ngành năm 2020 sẽ đạt khoảng 101 - 103 triệu tấn, tăng 4 - 5% so với năm 2019.
3. Các hiệp định tự do liên tục được đàm phán và ký kết tạo điều kiện cho ngành nhựa Việt Nam có khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu sản phẩm nhựa đặc biệt là thị trường Nhật Bản và EU.
4. Cung nguyên liệu nhựa được cải thiện rõ rệt trong năm 2018 và được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh trong giai đoạn 2020 - 2021. Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động giúp đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp hạ nguồn ngành nhựa. Nhà máy Nghi Sơn cung cấp thêm khoảng 370 nghìn tấn PP/năm vào công suất sản xuất nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2018. Năm 2019, hai dự án hóa dầu lớn nữa cũng chính thức được cấp phép và khởi công xây dựng đó là dự án hóa dầu Long Sơn và dự án hóa dầu Hyosung với sản phẩm chủ yếu vẫn là PP. Hiện tại hai dự án này đang trong quá trình xây dựng và nếu đúng theo kế hoạch hoạt động có thể giúp cải thiện năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa của Việt Nam thêm khoảng 177% vào năm 2021.

### THÁCH THỨC

#### **Thách thức về giá nguyên vật liệu đầu vào tạo nên thách thức cho doanh nghiệp giải quyết bài toán lợi nhuận**

Nguyên liệu nhựa nguyên sinh phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu do thượng nguồn của ngành nhựa chưa phát triển tương xứng với quy mô và nhu cầu nguyên liệu của hạ nguồn. Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá "nhạy cảm" với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của VBC.

Kể từ 01/01/2017, thuế nhập khẩu hạt nhựa PP tăng từ 1% lên 3%, mặt khác, tháng 11/2019 Bộ Tài chính tiến hành xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu hạt nhựa PP từ 3% lên 5%, sẽ tác động tiêu cực lên biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sử dụng hạt nhựa PP làm nguyên vật liệu.

Mặt khác, giá nguyên liệu nhựa nhập khẩu trong giai đoạn này tăng trưởng bình quân 7,8% một năm. Dưới sức ép của biến động tỷ giá và thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cao ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp, từ đó tác động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp

**Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng túi ni lông** cũng là thách thức đối với VBC



## 5. Vị thế

Là doanh nghiệp có uy tín trong hoạt động kinh doanh nên VBC có khả năng tận dụng tốt các chính sách ưu đãi của các tổ chức tín dụng.

Đã có trên 20 năm kinh nghiệm sản xuất kinh doanh bao bì, sản phẩm của VBC đã tạo được vị thế trên thị trường, Công ty đã xây dựng một thương hiệu uy tín về chất lượng, phù hợp về giá thành, là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Ban lãnh đạo VBC có những bước đầu tư chiến lược hợp lý, đúng thời điểm, có hiểu biết sâu sắc về công nghệ và sự tương quan chiến lược giữa công nghệ và thị trường. Đồng thời, các thành viên Ban lãnh đạo tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình quản lý, tổ chức kỹ thuật, hoạch định sản xuất kinh doanh nhiều năm trong ngành; tập thể lãnh đạo, người lao động đoàn kết, gắn bó, cùng chung lợi ích và chí hướng duy trì phát triển Công ty.

## 6. Định hướng phát triển

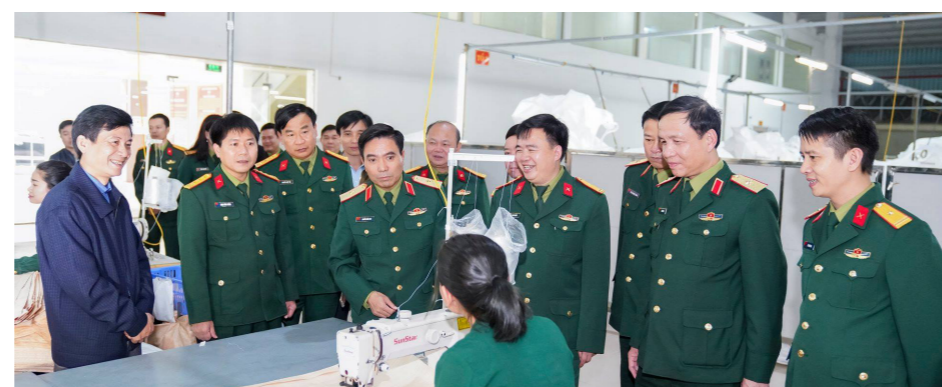
Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2020 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị mới đầu tư. Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một

phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.



## 7. Rủi ro

Trong suốt hơn 20 năm gây dựng và phát triển, để có được những bước đi ngày càng bứt phá, bên cạnh công tác tối ưu hóa SXKD, công tác quản trị rủi ro luôn là chiếc chìa khóa để chặng đường của VBC ngày một bền vững. Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong lĩnh vực sản xuất nhựa bao bì, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ràng buộc bởi các nhân tố rủi ro như: Rủi ro về kinh tế, rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro pháp luật, rủi ro đặc thù ngành, rủi ro môi trường, các nhân tố rủi ro khác, ...

### 7.1 Rủi ro về Kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

#### GDP năm 2019 tăng trưởng thấp hơn năm 2018 song vẫn là kết quả đáng ghi nhận

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Các chỉ tiêu tăng trưởng năm 2019 mặc dù thấp hơn so với năm 2018 song vẫn rất đáng ghi nhận, nhất là trong bối cảnh tình hình kinh tế, địa chính trị thế giới có nhiều bất lợi.

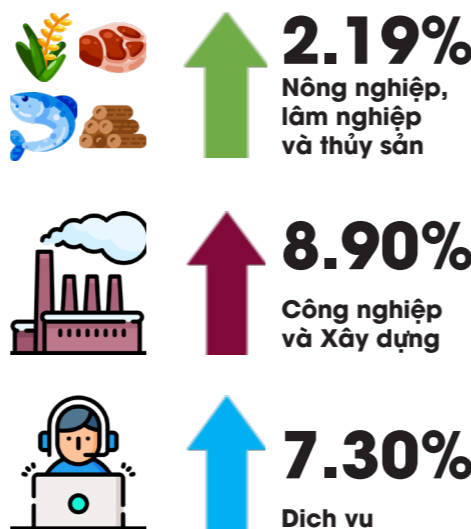
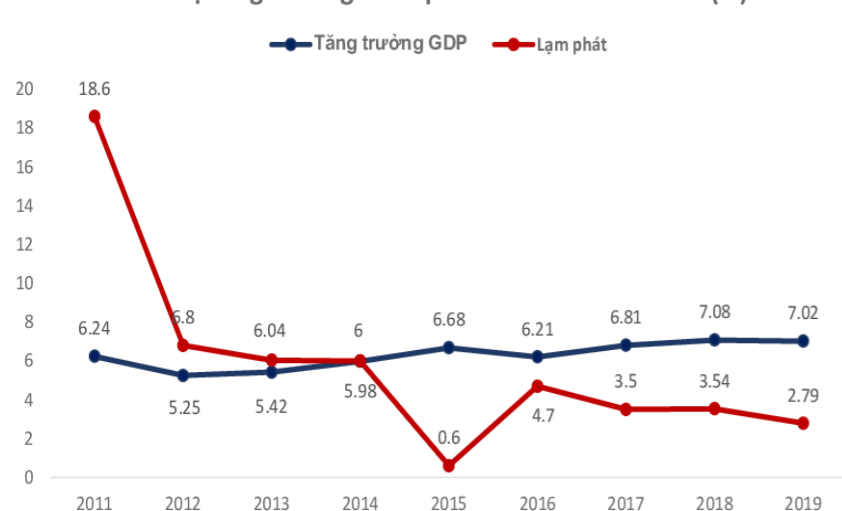
**Từ phía cung,** trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GDP là khu vực công nghiệp - xây dựng duy trì mức tăng trưởng 8,90%, trong đó, riêng ngành công nghiệp năm 2019 duy trì mức tăng trưởng cao với 8,86%,

đóng góp 2,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Đây là nhóm ngành tác động lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Từ phía cầu,** theo TCTK, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,29% so với cùng kỳ năm trước, chỉ số tiêu thụ ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,5%.

Hoạt động sản xuất xi măng, sản xuất phân bón và hoạt động bán lẻ là những yếu tố tác động lớn đến cầu của VBC. Cụ thể:  
 + Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2019 đạt 3.751,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,9% tổng mức và tăng 12,7% so với năm trước;  
 + Chỉ số sản xuất một số sản phẩm công nghiệp: phân u rê tăng 13%, phân hỗn hợp NPK tăng 0,1%.

Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm 2011 - 2019 (%)



### 7.2 Rủi ro hoạt động

Do ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho rào cản gia nhập ngành ở mức thấp. Hiện có khoảng 1.353 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa bao bì. Bên cạnh đó, ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng vì vậy các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam nói chung và CTCP Nhựa Bao bì Vinh nói riêng có nguy cơ phải đối mặt với sức cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI.

Xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, hạn chế túi ni lông cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam. Điều này đòi hỏi VBC nói riêng và ngành Nhựa Việt Nam nói chung cần có những bước đi đột phá với những sản phẩm sáng tạo, bắt kịp xu hướng tiêu dùng luôn luôn thay đổi.

### 7.3 Rủi ro tài chính

#### Lạm phát:

Giá thịt lợn và thực phẩm chế biến từ thịt lợn tăng cao do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, mức tăng cao nhất của chỉ số giá tháng Mười Hai trong 9 năm gần đây. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Chính phủ trong việc kiên định chính sách tiền tệ linh hoạt, giữ vững mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô nên CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%, thấp nhất trong 3 năm qua.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2019 tăng 0,68% so với tháng trước và tăng 2,78% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với bình quân năm 2018.

#### Tỷ giá

Với lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì; nguyên vật liệu được nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn, nên rủi ro về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá nguyên vật liệu, chi phí cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VBC.

### 7.4 Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành Nhựa nói riêng. Đặc biệt, đây còn là 1 trong 10 ngành công nghiệp được Chính phủ ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh. Mặc dù các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của các công ty nhựa đã xây dựng và ban hành, nhưng hiện nay ngành Nhựa vẫn còn thiếu quy định của Nhà nước về nhập khẩu phế liệu sản xuất để tái sinh nhằm hạ giá thành đầu vào cho ngành Nhựa, gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động NVL đầu vào để giảm chi phí.

### 7.5 Rủi ro đặc thù ngành

Gần 85% nguyên phụ liệu phải nhập khẩu: Theo thống kê, nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước hiện nay chỉ có thể đáp ứng được khoảng hơn 15% nhu cầu, 85% còn lại phải nhập khẩu. Do đó, cán cân thương mại ngành nhựa luôn trong tình trạng nhập siêu.

Tỷ giá tác động tới chi phí đầu vào: Việc chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài khiến ngành nhựa khá "nhạy cảm" với biến động tỷ giá, qua đó tác động không nhỏ tới chi phí đầu vào của các doanh nghiệp nhựa.

Cạnh tranh trong ngành nhựa của Việt Nam ở mức cao. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam có rào cản gia nhập ngành tương đối thấp, thị trường phân mảnh nhất là đối với sản phẩm nhựa bao bì. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành nhựa Việt Nam không có quá nhiều khác biệt về mẫu mã cũng như chất lượng nên sức mạnh mẽ cả của khách hàng là cao.

Mặt khác, ngành Nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị kiện bán phá giá. Hàng hóa Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác có nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản,...

A worker wearing a blue hard hat and glasses is operating a lathe machine in a factory. The machine is processing a large metal cylinder. The scene is dimly lit with blue tones, and a window with a grid pattern is visible in the background.

**B**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông

# 1. Tình hình hoạt động SXKD

## 1.1. Thông tin ngành

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6% một năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO, từ 2007 đến nay, đây là giai đoạn tiếp tục phát triển nhanh của ngành. Ngành nhựa phát triển mạnh, đa dạng hóa sản phẩm của mình trong cả bốn mảng sản phẩm là nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Việc duy trì chính sách mở cửa khuyến khích dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam nhiều hơn tạo điều kiện phát triển các ngành

công nghiệp chế biến, thực phẩm, đồ uống tạo động lực giúp mảng nhựa bao bì phát triển mạnh mẽ.

**Ngành nhựa Việt Nam vẫn đang ở trong giai đoạn tăng trưởng tốt.** Ngành nhựa thế giới hiện tại đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2000 - 2017 chỉ khoảng 3,7% - 3,8% một năm. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2017 vẫn giữ ở mức 10,8% tuy đã giảm khoảng 5,4 điểm phần trăm so với giai đoạn tăng trưởng nhanh trước đó. Mảng nhựa bao bì được dự báo gia tăng mạnh về sản lượng tuy nhiên có xu hướng dịch chuyển sang mảng nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Tăng trưởng ngành Nhựa được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình ở mức 6,5% giai đoạn 2019 - 2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.



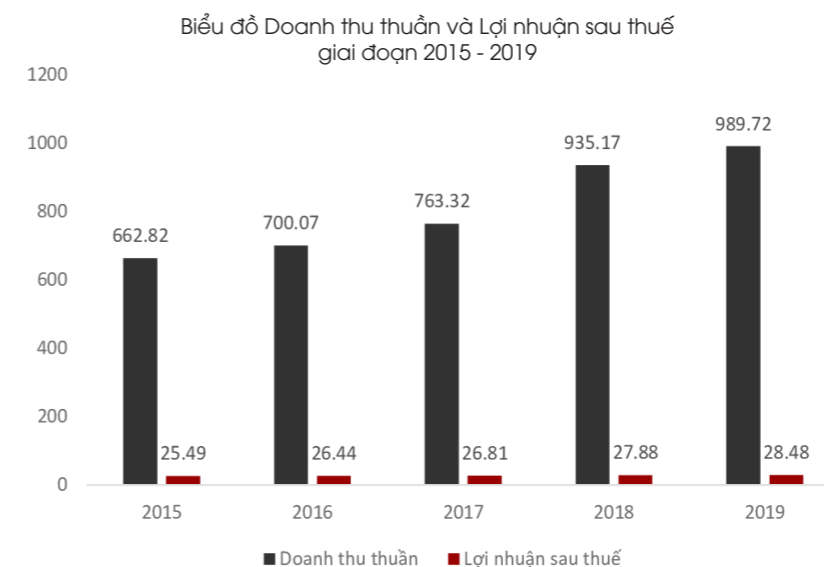
## 1.2. Kết quả SXKD so với kế hoạch

Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần đạt 989.72 tỷ đồng vượt 12.47 % so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 28.48 tỷ đồng vượt 6.35 % so với kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	880.02	989.72	112.47%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.78	28.48	106.35%

## 1.3. Kết quả SXKD qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	662.82	700.07	763.32	935.17	989.72
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	591.60	621.96	682.91	843.58	901.70
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.28	32.89	34.22	35.04	36.16
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25.49	26.44	26.81	27.88	28.48



Cùng với sự chung sức của tập thể cán bộ công nhân viên và việc đổi mới, đầu tư máy móc sản xuất, xuyên suốt giai đoạn 2015 - 2019, VBC đã đạt được những con số đáng ghi nhận. Tốc độ tăng trưởng kép CAGR Doanh thu thuần giai đoạn 2015 - 2019 đạt 11%. Giai đoạn 2015 - 2019 nhìn chung là giai đoạn tương đối khó khăn đối với ngành nhựa bao bì bởi xu hướng hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa của người tiêu dùng, bên cạnh đó kể từ 01/01/2017, thuế nhập khẩu hạt nhựa PP tăng từ 1% lên 3%, tuy nhiên, tháng 11/2019 Bộ Tài chính tiến hành xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu hạt nhựa PP từ 3% lên 5%, sẽ tác động tiêu cực lên biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sử dụng hạt nhựa PP làm nguyên vật liệu, trong đó có VBC. Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên CTCP Nhựa, Bao bì Vinh với tinh thần hăng say lao động, tích cực đổi mới và bên cạnh đó là nhờ có sự điều hành, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, VBC luôn bắt kịp với những thay đổi của thị trường, luôn đổi mới sáng tạo, gây dựng được vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin cho đối tác.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành

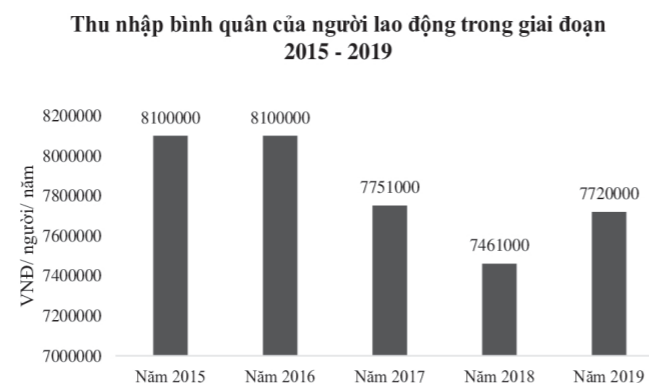
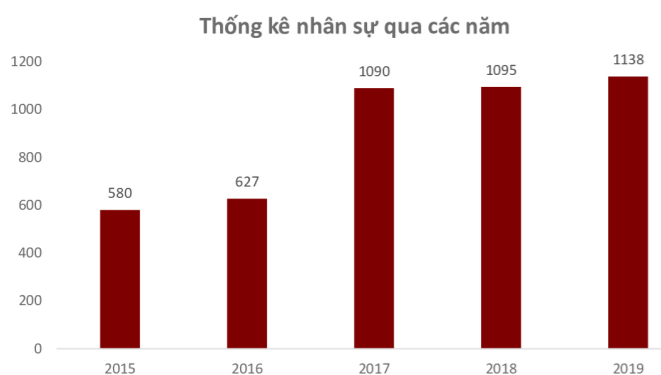
STT	Họ tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Phan Trí Nghĩa	18/6/1974	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
2	Ông Lê Xuân Thọ	20/02/1978	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty	Cử nhân kinh tế
3	Bà Phạm Minh Nguyệt	07/03/1980	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ Kế toán
4	Ông Phan Văn Toàn	30/01/1978	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Cử nhân Quản trị kinh doanh
5	Ông Nguyễn Hữu Long	06/03/1976	Thành viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh
<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Ông Trần Ngọc Sâm	20/06/1969	Trưởng BKS	Cử nhân tài chính
2	Ông Đinh Xuân Cường	30/08/1976	Thành viên BKS	Tiến sĩ
3	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	03/04/1980	Thành viên BKS	
<b>Ban Giám đốc</b>				
1	Ông Lê Xuân Thọ	20/02/1978	Giám đốc	Cử nhân kinh tế
2	Ông Cao Xuân Vinh	17/06/1969	Phó Giám đốc	Cử nhân Luật

Những thay đổi nhân sự Ban Lãnh đạo trong năm: Không có.

### 2.2. Nhân sự và chính sách nhân sự

#### a. Thống kê nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	65	5.71%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	145	12.74%
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	928	81.55%
<b>II Theo đối tượng lao động</b>			
1	Lao động trực tiếp	953	83.74%
2	Lao động gián tiếp	185	16.26%
<b>III Theo giới tính</b>			
1	Nam	375	32.95%
2	Nữ	763	67.05%
<b>IV Theo độ tuổi</b>			
1	Dưới 25	80	7.03%
2	Từ 25-35	945	83.04%
3	Trên 35	113	9.93%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1,138</b>	<b>100.00%</b>



### b. Chính sách đối với người lao động

#### 01 Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

**Lương thưởng:** Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số. Hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khó khăn... Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty

Lao động gián tiếp Công ty trả lương khoán theo vị trí công việc được giao theo tháng. Lao động trực tiếp Công ty trả lương theo đơn giá, định mức sản phẩm.

Người lao động làm việc thêm giờ ngày bình thường được thanh toán thêm 50%, làm ca đêm thanh toán thêm 50% tiền lương, nếu làm việc vào ngày lễ được thanh toán 300% tiền lương. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp, tiền quà ngày lễ, tết, chế độ bảo hiểm, y tế, khám chữa bệnh, chế độ tham quan, du lịch, nâng bậc lương, bậc thợ v.v... được giải quyết đúng đủ, công khai. Chế độ ăn ca được duy trì thường xuyên, bảo đảm được định lượng, tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh thực phẩm. Làm việc đủ 8 giờ/ngày được hưởng chế độ ăn cơm ca với mức 20.000 đồng/người/ca; Chế độ bồi dưỡng độc hại, các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xếp loại lao động và căn cứ vào nguồn quỹ của Công ty định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm người lao động được Công ty trích quỹ khen thưởng hoàn thành kế hoạch dựa theo kết quả xếp loại lao động trong kỳ đó.

- Các chế độ tiền lương, tiền thưởng và các

khoản trợ cấp được Công ty thanh toán đúng đủ vào các ngày từ 15-20 hàng tháng.

**Trợ cấp:** Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

#### 02 Chính sách tuyển dụng

Lực lượng lao động được Công ty tuyển dụng chủ yếu đã qua đào tạo các ngành nghề như cơ khí, dệt may... Công ty ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động là con em cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quân khu IV, Công ty, bộ đội xuất ngũ, phục viên vào làm việc. Lực lượng lao động khi tuyển dụng vào làm việc đều qua thời gian thử việc, học việc. Khi đủ điều kiện tiến hành ký kết các loại hợp đồng từ thời vụ đến 1 đến 3 năm và dài hạn.

#### 03 Chính sách đào tạo

Hàng năm Công ty tổ chức đào tạo tại chỗ cho số lao động đến kỳ hạn thi nâng bậc lương, tay nghề, bậc thợ. Ngoài ra, còn tổ chức đào tạo tay nghề cho người lao động trước khi điều chuyển vị trí công việc mới. Trong thời gian đào tạo người lao động không phải đóng bất cứ một khoản lệ phí nào, nhưng vẫn được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ền lương, phụ cấp theo định mức quy định.

#### 04 Chính sách bảo hộ lao động

CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Người lao động tại công ty được tham gia đủ 3 loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

### 3. Tình hình đầu tư

Công ty đã thực hiện đầu tư theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT đưa ra. Trong năm đã đầu tư 22 hạng mục với tổng giá trị đầu tư trong năm là 42.842 triệu đồng.

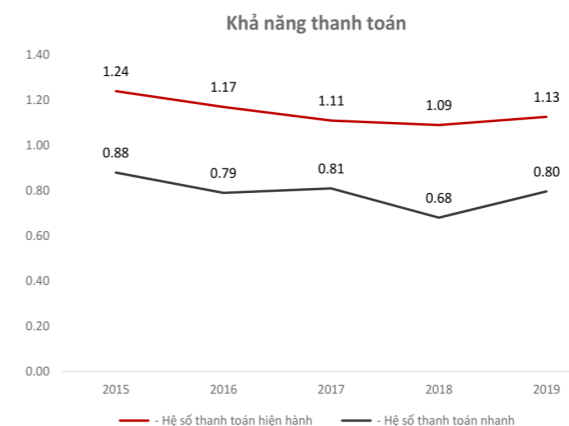
Lắp đặt hoàn thiện dây chuyền bao dán đáy và đưa vào hoạt động đảm bảo theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đưa ra.

Đã được ban quản lý khu kinh tế Hà Tĩnh chấp thuận chủ trương đầu tư 2,08ha đất để mở rộng nhà máy tại khu kinh tế Gia Lách-NX-HT. Xong do thị trường và nguồn vốn đầu tư khó khăn nên đã đề nghị đại diện phần vốn Tổng công ty hợp tác kinh tế cho dừng thực hiện.

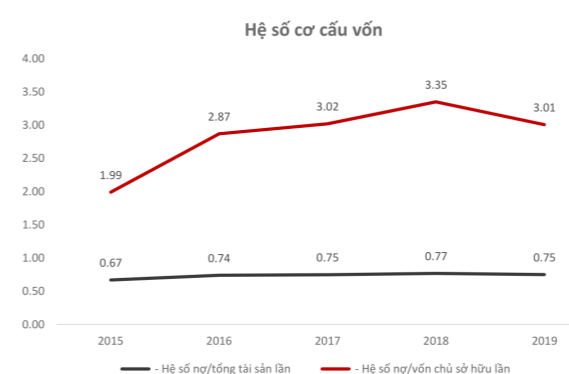
### 4. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	486.36	502.68	3.36%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	935.17	989.72	5.83%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	Tỷ đồng	35.47	35.78	0.87%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	(16.15)	(14.41)	(10.77)%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(0.43)	0.87	302.33%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35.04	36.16	3.20%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27.88	28.48	2.15%

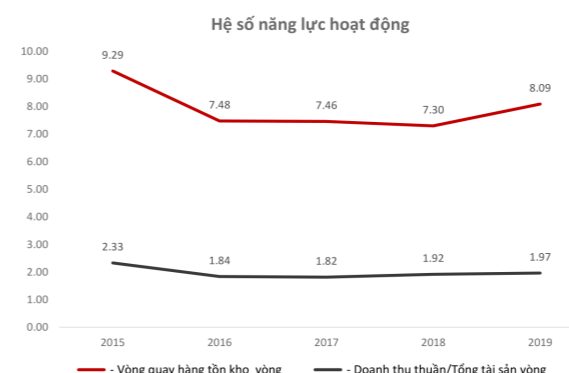
Các chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2019/2018
<b>1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>							
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1.24	1.17	1.11	1.09	1.13	0.04
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.88	0.79	0.81	0.68	0.80	0.12
<b>2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>							
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.67	0.74	0.75	0.77	0.75	(0.02)
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1.99	2.87	3.02	3.35	3.01	(0.34)
<b>3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>							
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9.29	7.48	7.46	7.30	8.09	0.79
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	2.33	1.84	1.82	1.92	1.97	0.05
<b>4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>							
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DTT	%	3.85%	3.78%	3.51%	2.99%	2.88%	(0.11)%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	27.99%	27.35%	26.46%	25.80%	22.70%	(3.10)%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	9.37%	7.96%	6.70%	6.15%	5.67%	(0.48)%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ DTT	%	5.02%	4.77%	4.47%	3.81%	3.62%	(0.19)%



Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2019 là 0.80 lần tăng 17.08% so với năm 2018. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành năm 2019 là 1.13 lần tăng 3.31% so với năm 2018. Nhìn chung năm 2019 VBC có khả năng thanh toán tốt hơn tương đối so với năm 2018 đảm bảo cho Công ty trong khả năng thanh toán các khoản nợ của mình.

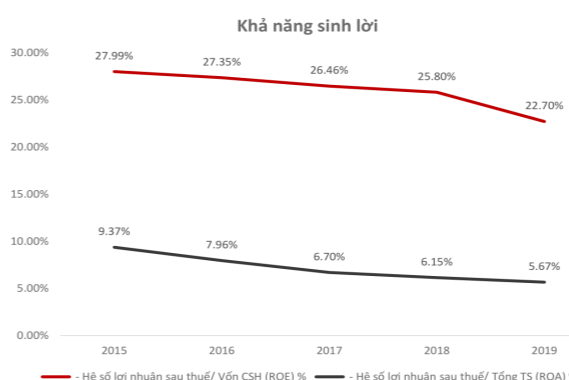


Cơ cấu vốn của doanh nghiệp đang có xu hướng giảm tỷ trọng các khoản nợ. Các hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm trong năm 2019, trong đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm rõ rệt. Hệ số Nợ/ Tổng tài sản năm 2019 là 0.75, vẫn tương đối ổn định so với giai đoạn 2015 - 2019 cho thấy doanh nghiệp vẫn kiểm soát tốt các khoản nợ. Tuy nhiên, năm 2019 Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu năm 2018 là 3.01 giảm 10.26% so với năm 2018, chủ yếu là do Vốn chủ sở hữu tăng 12% trong khi khoản nợ phải trả và tổng tài sản được giữ ổn định.



Vòng quay hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá vốn hàng bán chia cho hàng tồn kho bình quân. Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 là 8.09 vòng, tăng 10.81% so với năm 2018. Nguyên nhân là do năm 2019 Công ty phải đối mặt với thách thức giá vốn hàng bán tăng 7% tương ứng 58.12 tỷ đồng.

Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản năm 2019 là 1.97 vòng tăng nhẹ 2.40% so với năm 2018. Nguyên nhân là do doanh thu và tổng tài sản được giữ tương đối ổn định ở mức 6% và 3.36% trước những khó khăn về giá nguyên vật liệu đầu vào.



Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2019 là 22.70% giảm 12.02% so với năm 2018. Nghĩa là trong năm 2019 cứ một đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra mang lại 0.23 đồng lợi nhuận sau thuế. Nguyên nhân là do vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng 12% tương đương tăng 13.78 tỷ đồng so với năm 2018. Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân năm 2019 là 5.67% giảm 7.88%. Có nghĩa là trong năm 2019 cứ một đồng tài sản đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại 0.057 đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này giảm nguyên nhân là do tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế là 2% chậm hơn tốc độ tăng của tổng tài sản là 3.36%

## 5. Cơ cấu cổ đông và tình hình cổ phiếu

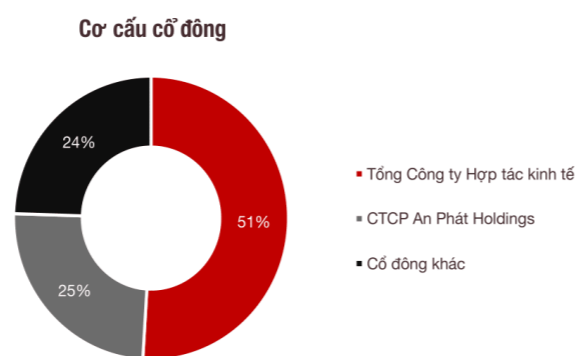
### 5.1. Thông tin về cổ phiếu CTCP Nhựa, Bao bì Vinh

Tính đến hết ngày 31/12/2019, CTCP Nhựa Bao bì Vinh đã phát hành 7.499.972 CP. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 7.499.972 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 7.499.960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 12 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

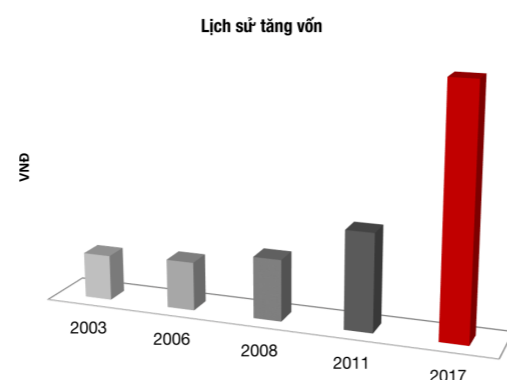
### 5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>3,821,932</b>	<b>50.96%</b>
	Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	3,821,932	50.96%
2	<b>Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)</b>	<b>5,662,151</b>	<b>75.50%</b>
	Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	3,821,932	50.96%
	CTCP An Phát Holdings	1,840,219	24.54%
3	<b>Cổ đông khác</b>	<b>1,837,809</b>	<b>24.50%</b>
	- Trong nước		0.00%
	- Nước ngoài		0.00%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7,499,960</b>	<b>100.00%</b>



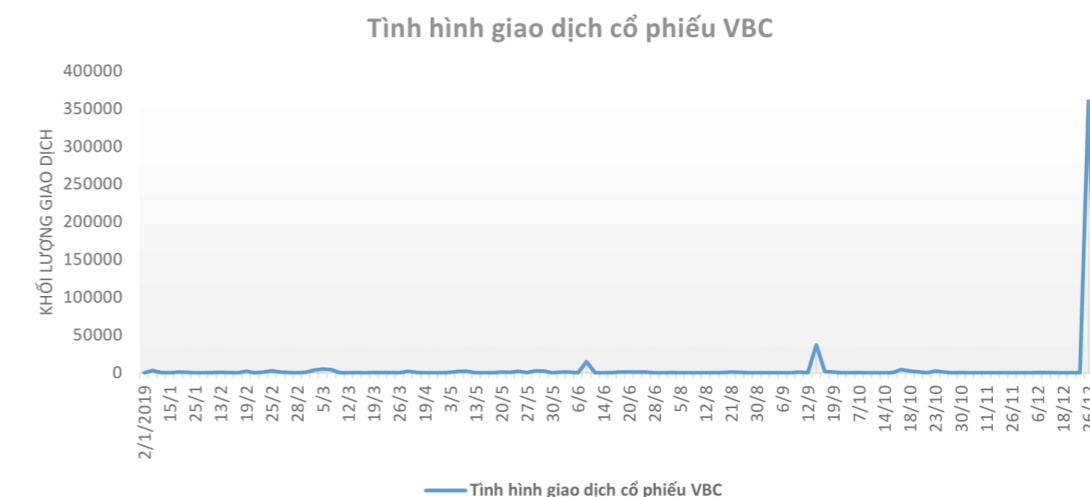
### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
2003	14,000,000,000	Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần
2006	15,000,000,000	Phát hành 100,000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2008	18,983,640,000	Phát hành 398,364 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2011	29,999,890,000	Công ty niêm yết bổ sung 1,101,625 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ
2017	74,999,720,000	Công ty niêm yết bổ sung 4,499,983 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ



### 5.4. Tình hình cổ phiếu trong năm

#### a. Thống kê lịch sử đặt lệnh

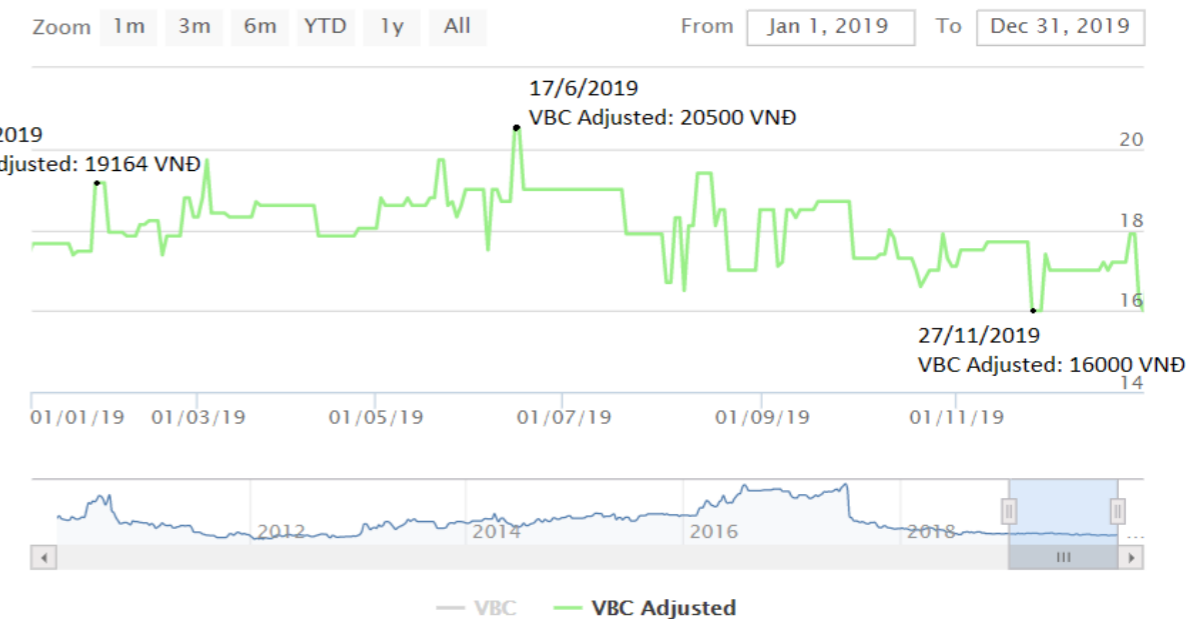


(Theo: CTCP Chứng khoán FPT)

Khối lượng giao dịch bình quân/ngày:

- KLGD/Ngày (1 tuần): 1,180 cp
- KLGD/Ngày (1 tháng): 322 cp
- KLGD/Ngày (1 quý): 335 cp
- KLGD/Ngày (1 năm): 404 cp
- Nhiều nhất 52 tuần (26/12/2019): 359,992 cp
- Ít nhất 52 tuần (11/3/2019): 4 cp

#### b. Thống kê lịch sử giá



(Theo: CTCP Chứng khoán FPT)

Biến động giá giao dịch:

- Cao nhất 52 tuần (14/6/2019): 20,500 VNĐ
- Thấp nhất 52 tuần (26/11/2019): 16,000 VNĐ



## **C** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
- Tình hình tài chính
- Phương hướng phát triển 2020

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Các chỉ tiêu tăng trưởng năm 2019 mặc dù thấp hơn so với năm 2018 song vẫn rất đáng ghi nhận, nhất là trong bối cảnh tình hình kinh tế, địa chính trị thế giới có nhiều bất lợi.

Ngành nhựa Việt Nam vẫn đang ở trong giai đoạn tăng trưởng tốt. Ngành nhựa thế giới hiện tại đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2000 - 2017 chỉ khoảng 3,7% - 3,8% một năm. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng sản lượng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2017 vẫn giữ ở mức 10,8% tuy đã giảm khoảng 5,4 điểm phần trăm so với giai đoạn tăng trưởng nhanh trước đó. Mảng nhựa bao bì được dự báo gia tăng mạnh về sản lượng tuy nhiên có xu hướng dịch chuyển sang mảng nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Năm 2019, nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành nhựa bao bì nói riêng có những tín hiệu tích cực chính là cơ hội, là điều kiện thuận lợi cho VBC phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp nối thành công của cuộc hành trình gần 25 năm, năm 2019, tình hình hoạt động SXKD của VBC đã đạt những con số đáng ghi nhận.

Chỉ tiêu	Thực hiện ( Tỷ đồng )		KH 2019 ( Tỷ đồng)	Tăng trưởng	
	2018	2019		So với KH	So với 2018
Doanh thu thuần	931.45	989.72	880.02	112.47%	106.26%
Lợi nhuận trước thuế	35.04	36.16	33.50	107.94%	103.20%
Lợi nhuận sau thuế	27.88	28.48	26.78	106.35%	102.15%
Cổ tức	12%	18%	16%	112.5%	150%

Năm 2019, doanh thu thuần công ty đạt 989.72 tỷ đồng vượt 12.47% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2019 đã đề ra. So với năm 2018, doanh thu thuần tăng 6.26% tương đương tăng 58.27 tỷ đồng. Năm 2019, giá nguyên vật liệu đầu vào tác động không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 28.48 tỷ đồng tăng 2.15% so với năm 2018.

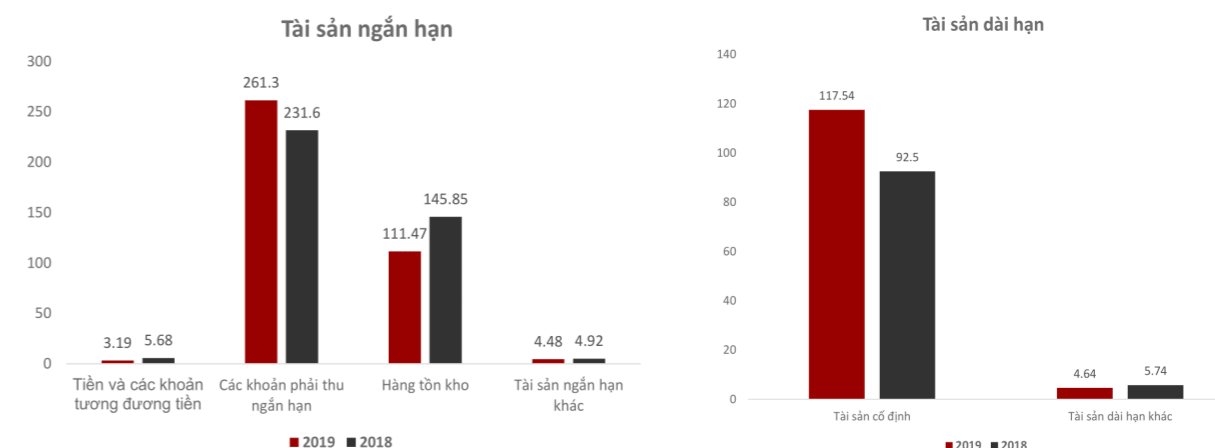
Trong năm điều kiện thị trường tiêu thụ sản phẩm tiếp tục cạnh tranh quyết liệt; công tác tuyển dụng lao động có tay nghề kỹ thuật cao vẫn còn gặp khó khăn. Hệ thống trang thiết bị máy móc hoạt động đã lâu năm, một số hao mòn, xuống cấp thường xuyên phải dừng để sửa chữa, bảo dưỡng làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất. Năm 2019, mức giá nguyên liệu bình quân có giảm; lực lượng lao động ít có biến động hơn so với cùng kỳ năm trước đã tạo thuận lợi để đơn vị duy trì ổn định sản xuất.

## 2. Tình hình tài chính

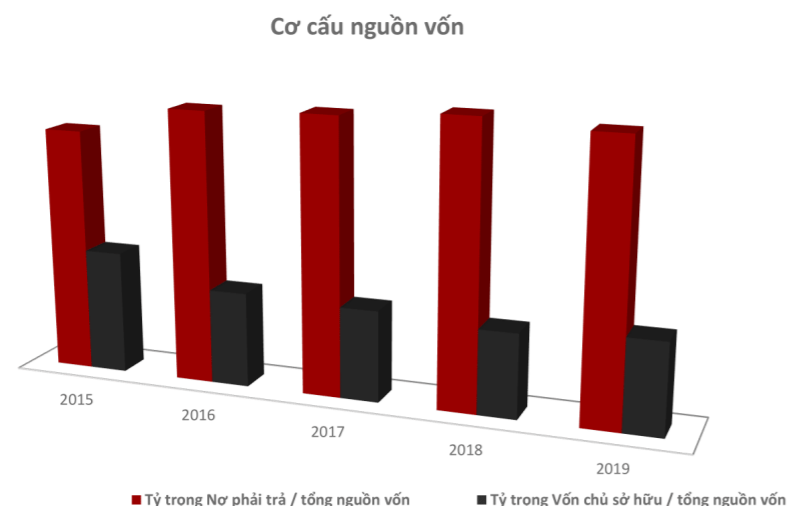
### 2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2018	Chênh lệch	
				Số tiền	%
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	Tỷ đồng	<b>380.43</b>	<b>388.05</b>	<b>(7.62)</b>	<b>(1.96)%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	3.19	5.68	(2.49)	(43.84)%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	261.30	231.60	29.7	12.82%
IV. Hàng tồn kho	Tỷ đồng	111.47	145.85	(34.38)	(23.57)%
V. Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	4.48	4.92	(0.44)	8.94%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	Tỷ đồng	<b>122.24</b>	<b>98.31</b>	<b>23.93</b>	<b>24.34%</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	Tỷ đồng	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	Tỷ đồng	117.54	92.50	25.04	27.07%
III. Bất động sản đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	-	-	-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	Tỷ đồng	0.07	0.07	0	0%
VI. Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	4.64	5.74	(1.1)	(19.16)%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	Tỷ đồng	<b>502.68</b>	<b>486.36</b>	<b>16.32</b>	<b>3.36%</b>

Tình hình tổng cộng tài sản năm 2019 tăng 3.36% tương đương tăng từ 486.36 tỷ đồng tại ngày 31/12/2018 lên 502.68 tỷ đồng được ghi nhận tại ngày 31/12/2019. Về cơ bản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm gần 80% tổng tài sản của công ty, chủ yếu để đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất và kinh doanh.



## 2.2. Tình hình nguồn vốn



Cơ cấu nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2015 - 2019 duy trì ổn định (tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn vẫn duy trì khoảng 75%). Vốn chủ sở hữu 2019 đạt 125.47 tỷ đồng, tăng 12.34% so với năm trước. Nợ phải trả 2019 ổn định so với 2018. Công ty đã và đang có những phương án để giảm thiểu nợ phải trả, tăng nguồn vốn chủ sở hữu để đảm bảo sản xuất.

Trong năm 2019 công ty đã đàm phán và nâng hạn mức tín dụng tại ngân hàng MB lên thêm 40 tỷ đồng nâng tổng hạn mức tín dụng tại ba ngân hàng là 340 tỷ đồng. Đồng thời công ty huy động thêm từ nguồn vốn nhân rồi của CB, CNV trong và ngoài công ty đã góp phần giảm áp lực vốn vay lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó công ty thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ để đảm bảo vốn phục vụ sản xuất. Công nợ khách hàng được mở theo dõi chi tiết đến từng loại ngoại tệ và từng khách hàng cụ

thể. Các khoản công nợ hàng tháng được phân loại theo từng thời hạn nợ và phân công thành viên trong Ban thu hồi nợ bám nắm liên lạc, làm công văn thu nợ thường xuyên nên phần nào đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ SXKD và đầu tư tăng năng lực. Tổng số dư công nợ phải thu phát sinh trong kỳ là 1.069 triệu đồng, đã thu hồi và đối trừ được 1.053 triệu đồng. Số dư công nợ phải thu cuối kỳ còn lại 246 tỷ, số trích lập dự phòng nợ khó đòi trong năm giảm còn 251 triệu đồng. Trong năm cơ bản đã thu hồi hết công nợ còn lại của năm 2018 và thu đạt 77% số phát sinh của năm 2019.

Mặt khác với doanh thu phát sinh ngoại tệ tăng nên đơn vị sử dụng phương án vay ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Tuy có ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá nhưng lãi suất vay usd vẫn hiệu quả hơn so với vay bằng VNĐ vì lãi suất vay usd thấp và lượng usd xuất khẩu cơ bản đảm bảo bù đắp lượng vay usd tại ngân hàng.

## 3. Phương hướng phát triển

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2020 đã được Tổng công ty thông qua. Giữ vững ổn định về an ninh chính trị, an tâm tư tưởng, đảm bảo an toàn về tài sản, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

Chủ động đảm bảo nguyên liệu vật tư, lao động, thiết bị, công nghệ, thiết kế mẫu mã, quản lý chặt chẽ các định mức KTKT, chi phí phát sinh, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm; tổ chức điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Không ngừng tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động mới tuyển dụng đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của đơn vị, nâng dần sản lượng, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Góp phần nâng cao năng suất máy móc thiết bị mới đầu tư. Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao kiến thức cho người lao động về quy trình vận hành sử dụng thiết bị đặc biệt là hệ thống dây chuyền bao dán đáy; Nghiêm túc thực hiện chế độ công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo kế hoạch đã xác định. Tăng cường áp dụng, cải tiến MMTB; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật để bù đắp một phần do giá nguyên liệu tăng, giữ ổn định hiệu quả sản xuất.

Thường xuyên cập nhật sản lượng tiêu thụ sản phẩm để đối chiếu công nợ và nắm chắc thông tin khả năng tài chính của từng khách hàng, tận dụng các cơ hội để thu hồi nợ; tập trung quyết liệt thu hồi nợ ở các khách hàng chậm trả, nợ khó đòi, hạn chế tối đa các rủi ro về nợ. Quan tâm đảm bảo vốn cho sản xuất, đầu tư và thanh toán chế độ chính sách cho người lao động. Kiểm soát và quản lý hoạt động tài chính thực hiện theo đúng quy chế quy định, khắc phục dứt điểm những tồn tại, hạn chế sau mỗi lần thanh kiểm tra, kiểm toán.

Khai thác tối đa sản lượng các khách hàng truyền thống, tranh thủ tìm kiếm mở rộng các thị trường mới trong và ngoài nước. Phát triển thị trường bao dán đáy để bổ sung cho sản lượng thiếu hụt của bao xi măng. Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nâng cao uy tín công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tiếp nối những thành tựu đã đạt được trong năm 2019, Ban Giám đốc công ty đặt ra những kế hoạch nhằm phát triển quy mô sản xuất, phát triển thị trường, đồng thời khẳng định thương hiệu và vị thế của CTCP Nhựa, Bao bì Vinh.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020
Doanh thu	Triệu đồng	930,000
Giá trị sản xuất	Triệu đồng	930,000
LNTT	Triệu đồng	33,500
Thu nhập bình quân NLD	VNĐ	8,800,000
Giá trị tăng thêm	Triệu đồng	199,950

# D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

- Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT

# 1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty

## Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Mặc dù đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tình hình khu vực và quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi, tuy nhiên có thể đánh giá năm 2019 là một năm đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, là năm thứ 2 liên tiếp ước đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá. GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017.

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6% một năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới

## Đánh giá kết quả SXKD

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	880.02	989.72	112.47%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.50	36.16	107.94%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.78	28.48	106.35%
Cổ tức	%	16%	18%	112.5%

Giai đoạn 2015 - 2019 nhìn chung là giai đoạn tương đối khó khăn đối với ngành nhựa bao bì bởi xu hướng hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa của người tiêu dùng, bên cạnh đó kể từ 01/01/2017, thuế nhập khẩu hạt nhựa PP tăng từ 1% lên 3%, tuy nhiên, tháng 11/2019 Bộ Tài chính tiến hành xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu hạt nhựa PP từ 3% lên 5%, sẽ tác động tiêu cực lên biên lợi nhuận gộp của các DN sử dụng hạt nhựa PP làm nguyên vật liệu, trong đó có VBC.

Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng tập thể đội ngũ cán bộ công nhân viên VBC

và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật. Tuy nhiên ngành bao bì nhựa yêu cầu quy mô vốn đầu tư không cao, trong khi đó khả năng thu hồi vốn nhanh khiến cho rào cản gia nhập ngành ở mức thấp. Bên cạnh đó, xu hướng sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường cũng là một thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam nói chung và đối với VBC nói riêng khi trong cơ cấu xuất khẩu của ngành, các sản phẩm bao bì truyền thống không thân thiện với môi trường chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Điều này đòi hỏi VBC nói riêng và ngành Nhựa Việt Nam nói chung cần có những bước đi đột phá với những sản phẩm sáng tạo, bắt kịp xu hướng tiêu dùng luôn luôn thay đổi.

với tinh thần hăng say lao động, tích cực đổi mới và bên cạnh đó là nhờ có sự điều hành, chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, VBC luôn bắt kịp với những thay đổi của thị trường, luôn đổi mới sáng tạo, gây dựng được vị thế trên thị trường và tạo dựng niềm tin cho đối tác. Năm 2019, VBC đã gạt hái được những thành tựu nhất định. So với kế hoạch mà ĐHCĐ năm 2019 đề ra, năm 2019, doanh thu thuần đạt 989.72 tỷ đồng tăng 12.47%, lợi nhuận sau thuế đạt 28.48 tỷ đồng tăng 6.35% so với kế hoạch. Về quy mô sản xuất, VBC đang thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị nhà xưởng nhằm nâng cao sản lượng sản xuất, mở rộng quy mô nhà xưởng để đáp ứng chiến lược KD giai đoạn 2020 - 2025

## Đánh giá các mặt hoạt động khác của Công ty

Bên cạnh những con số đã đạt được, trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

Công tác quản trị rủi ro, quản trị hệ thống, quản lý chất lượng sản phẩm được chú trọng. Công ty đã rất quan tâm đến công tác kiểm soát nội bộ, thường xuyên kiểm tra rà soát công tác sản xuất nhằm nắm bắt kịp thời các mặt còn tồn tại, yếu kém nâng cao hiệu quả hoạt động.

Chất lượng các công tác: Công tác Tổ chức và quản lý, công tác kế hoạch và thị trường, công tác tài chính - kế toán, công tác kỹ thuật công nghệ, công tác mua sắm và quản lý vật tư thiết bị đều đã được thực hiện tốt.

Đảm bảo tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân đạt mức trên 7.72 triệu đồng/người/ tháng, ngoài ra công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, kĩ năng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

Các hoạt động liên quan đến cộng đồng - xã hội: Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng trong năm qua như: quyên góp cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vào dịp khai giảng năm học mới, tổ chức các chương trình hỗ trợ người nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An vào các dịp đầu xuân năm mới, Kêu gọi Cán bộ nhân viên quyên góp 1 ngày lương ủng hộ đồng bào miền Trung chịu lũ lụt, ...

# 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo cùng với sự nỗ lực cố gắng và năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty, sự cố gắng của các đơn vị thành viên, của CBCNV toàn Công ty, thực hiện các mục tiêu chiến lược, tiếp tục khẳng định vị thế, hình ảnh VBC trên thị trường, khắc phục khó khăn và kiểm soát các hoạt động SXKD và đầu tư.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Thông qua BCTC và Kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, 6 tháng, năm. Định hướng công tác đảm bảo vốn, thu hồi công nợ, công tác công nghệ chất lượng
- Thông qua phương án đầu tư mở rộng, kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị thay thế tăng năng lực sản xuất
- Định hướng mô hình tổ chức biên chế. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT.

# 3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Doanh Thu	Bao	930,000	957,900	986,600	1,016,000	1,046,500
Giá trị sản xuất	Triệu đồng	930,000	957,900	986,600	1,016,000	1,046,500
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33,500	34,170	34,850	35,700	36,600
Thu nhập bình quân NLD	VNĐ	8,800,000	8,900,000	9,050,000	9,200,000	9,400,000
Giá trị tăng thêm	Triệu đồng	199,950	201,160	307,200	213,360	219,765
Nộp ngân sách	Triệu đồng	30,608	31,601	33,123	34,138	35,162



A man in a dark suit, light blue shirt, and striped tie is pointing his right index finger directly at the viewer. The background is a warm, blurred indoor setting.

# E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

# 1. Hội đồng quản trị

## Thông tin về Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phan Trí Nghĩa	18/6/1974	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
2	Ông Lê Xuân Thọ	20/02/1978	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty	Cử nhân kinh tế
3	Bà Phạm Minh Nguyệt	07/03/1980	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ Kế toán
4	Ông Phan Văn Toàn	30/01/1978	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Cử nhân Quản trị kinh doanh
5	Ông Nguyễn Hữu Long	06/03/1976	Thành viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh

## Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	22/04/2017	09	100%	
2	Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên HĐQT	21/07/2017	09	100%	
3	Ông Phan Văn Toàn	Thành viên HĐQT	10/04/2018	09	100%	
4	Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên HĐQT	21/07/2017	07	77.8%	Bận công tác
5	Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên HĐQT	23/04/2016	07	77.8%	Bận công tác

## Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong năm

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	02/QĐ-HĐQT2019	02/01/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư MMTB tăng năng lực SXKD
2	03/QĐ-HĐQT2019	02/01/2019	Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư MMTB tăng năng lực SXKD
3		02/01/2019	Thành lập tổ chấm thầu gói thầu đầu tư MMTB tăng năng lực SXKD
4	43A/NQ-HĐQT2019	26/01/2019	- Thông qua kết quả SXKD năm 2018 - Triển khai kế hoạch SXKD Quý 1 năm 2019 - Triển khai một số chủ trương của HĐQT theo yêu cầu
5	66/QĐ-HĐQT2019	12/02/2019	Quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị
6	67/QĐ-HĐQT2019	12/02/2019	Quyết định cho thôi giữ chức Trưởng ban Thị trường xuất khẩu
7	68/QĐ-HĐQT2019	12/02/2019	Quyết định cho thôi giữ chức Thư ký Hội đồng quản trị
8	92/NQ-HĐQT2019	21/02/2019	- Thông qua thời gian, nội dung, chương trình ĐHCĐ thường niên 2019 - Thông qua tờ trình quyết định các đơn vị trúng thầu gói thầu cung cấp thiết bị sản xuất bao dán đáy - Triển khai công tác chạy thử sợi, dệt và phương án mặt bằng bố trí SX cho dây chuyền bao dán đáy - Thông qua chủ trương khen thưởng các tập thể, cá nhân có phát minh sáng kiến cải tiến kỹ thuật - Đề nghị Giám đốc công ty tích cực triển khai các nội dung tại biên bản họp HĐQT ngày 26/01/2019
9	94/QĐ-HĐQT2019	25/02/2019	- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị phục vụ SX bao dán đáy - Xây dựng kế hoạch quý II và 6 tháng đầu năm
10	159/QĐ-HĐQT2019	14/03/2019	Quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cải tiến Công nghệ - kỹ thuật
11	176/QĐ-HĐQT2019	20/03/2019	Quyết định thành lập tổ Giám sát thực hiện các hạng mục đầu tư sân, vườn, trạm cân tại nhà máy 2,3
12	229A/QĐ-HĐQT2019	15/04/2019	Quyết định về việc phê duyệt tổ chức biên chế năm 2019
13	268/QĐ-VBC	06/05/2018	Quyết định thành lập "Lực lượng 47" đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị trên không gian mạng trong CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
14	275/NQ-HĐQT2019	03/05/2019	Nghị quyết về chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2018
15	319/QĐ-HĐQT2019	20/05/2019	Kiện toàn Ban tuyển dụng, đào tạo lao động
16	362/QĐ-HĐQT2019	16/06/2019	Quyết định lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
17	421/QĐ-HĐQT2019	17/07/2019	Quyết định phê duyệt nhà cung cấp phụ tùng máy 15MP và máy tráng cho Nhà máy 2, KCN Gia Lách, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
18	445/QĐ-HĐQT2019	31/07/2019	Quyết định phê duyệt phương án đầu tư máy kéo sợi, máy dệt đai mono cho Nhà máy 3, KCN Gia Lách, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
19	660/QĐ-HĐQT2019	18/11/2019	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu: Máy kéo sợi, máy dệt đai mono Nhà máy 3

# 2. Ban Kiểm soát

## Thông tin về Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Trần Ngọc Sâm	20/06/1969	Trưởng BKS	Cử nhân tài chính
2	Ông Đinh Xuân Cường	30/08/1976	Thành viên BKS	Tiến sĩ
3	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	03/04/1980	Thành viên BKS	

## Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng BKS	22/04/2017	07	100%	
2	Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên BKS	21/07/2017	07	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên BKS	10/04/2018	07	100%	

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc

Giám sát việc tuân thủ các Quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ khi HĐQT, Ban Điều hành thực thi các nhiệm vụ;

- Định kỳ kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý, chính xác của các số liệu tài chính;
- Xem xét các Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành và Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do Ban Điều hành thực hiện;
- Kiểm tra, xem xét trình tự thủ tục ban hành các văn bản, nội quy, quy chế quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Giám sát việc Công bố thông tin của Công ty theo quy định của UBCKNN;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc và tham gia đóng góp ý kiến;
- Thực hiện một số công tác khác theo quy định của Luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: BKS thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và việc thực hiện Nghị quyết, điều hành sản xuất của Ban Giám đốc điều hành. Thường xuyên đưa ra những kiến nghị kịp thời cho HĐQT và Ban Điều hành trong hoạt động SXKD và các hoạt động khác của Công ty. Hàng quý, 6 tháng và cuối năm BKS tổ chức kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán nhằm định hướng cho hoạt động tài chính của đơn vị được bảo toàn và phát triển.

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Trong năm, VBC có 01 giao dịch thuộc nhóm giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ. Chi tiết:

Ông Phan Văn Toàn

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Số lượng CP sở hữu đầu kỳ: Số CP: 0 ; Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Số lượng CP sở hữu cuối kỳ: Số CP: 38.600 ; Tỷ lệ nắm giữ: 0.51%